TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC KẠN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:18/2019/HS-ST

Ngày: 21/6/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN – TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Minh Thu.

2. Bà Đoàn Thị Nhâm.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sơn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Dinh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2019/HSST ngày 24/5/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST - HS ngày 10 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Trương Quốc Qu (tên gọi khác: Không), sinh ngày 17 tháng 7 năm 1987; nơi cư trú: Thôn N, xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Trương Văn Nh và bà Lê Thị Th; có vợ là Phạm Thị Tr (đã ly hôn) và 02 con (con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2011); tiền sự: Không; tiền án: 02 (Tại bản án số 33/2015/HSST ngày 22/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn đã xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và tại bản án số 18/2017/HSPT ngày 18/01/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh B đã xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chưa được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/3/2019 đến nay. Có mặt.

**** Người bị hại*:** Anh Nông Thanh Nh, sinh năm 1985; trú tại: Thôn N, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Văng mặt.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** Bà Lê Thị Th, sinh năm 1967; trú tại: Thôn N, xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại

phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 26/11/2018, Trương Quốc Qu một mình điều khiển xe môtô BKS 97F4 – 59xx đi từ nhà thuộc thôn N, xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn đến thành phố Bắc Kạn chơi. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, Qu điều khiển xe đi qua nhà anh Nông Thanh Nh thuộc thôn N, xã D, thành phố B thì phát hiện thấy trong sân nhà anh Nh treo nhiều giỏ cây phong lan nên Qu dừng xe quan sát, thấy cổng nhà anh Nh mở nhưng cửa nhà đóng nên Qu đã nảy sinh ý định trộm cắp cây phong lan mang đi bán lấy tiền tiêu sài. Qu đựng xe ngoài đường rồi đi bộ vào nhà anh Nh, khi vào đến sân thấy có một đoạn cây dài khoảng 2 mét, một đầu có ngạnh hình chữ V dựng cạnh bể nước sát mép sân, Qu cầm đoạn cây và chọc lấy một giỏ phong lan loại long tu có 25 nhánh chưa ra hoa, được trồng trong một chậu đất nung, treo trên thanh xà ngang thứ 4 hướng từ phải qua trái nhìn từ cổng vào. Sau khi lấy được giỏ phong lan, Qu bỏ đoạn cây lại rồi cầm giỏ phong lan ra chỗ để xe môtô BKS 97F4 – 59xx và điều xe đến đi đến chợ Đ, thuộc tổ 9B, phường Đ, thành phố B và bán cho một người phụ nữ không biết họ tên, địa chỉ cụ thể với giá 250.000 đồng rồi đi về nhà.

Sau khi phát hiện mất giỏ phong lan anh Nông Thanh Nh đã kiểm tra camera an ninh của gia đình và trình báo công an.

Tại kết luận định giá tài sản ngày 27/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố B đã kết luận: 01 (một) giỏ phong lan (loại long tu) có 25 nhánh, trị giá tài sản là: 25 nhánh x 80.000 đồng/01nhánh = 2.000.000 đồng; 01 (một) chậu đất nung được dùng trồng hoa phong lan, trị giá là 35.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 2.035.000 đồng (Hai triệu không trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 23/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh B đã truy tố đối với Trương Quốc Qu về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trương Quốc Qu phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về xử lý vậy chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 250.000 đồng *(*Hai trăm năm mươi nghìn đồng). Tạm giữ số tiền 131.000 đồng (Một trăm ba mươi mốt nghìn đồng) và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia X1 nắp lưng điện thoại màu cam để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận việc truy tố, xét xử bị cáo là không oan, đúng người, đúng tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn và Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Trương Quốc Qu khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo thống nhất với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có cơ sở khẳng định:

Khoảng 10 giờ ngày 26/11/2018, tại nhà của anh Nông Thanh Nh thuộc thôn N, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, bị cáo Trương Quốc Qu đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp 01 giỏ phong lan loại long tu và 01 chậu đất nung có tổng trị giá 2.035.000 đồng (Hai triệu không trăm ba mươi lăm nghìn đồng) của anh Nông Thanh Nh.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do vậy, việc truy tố, xét xử bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, vì vậy cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo không có tiền sự, có 02 tiền án. Tại bản án số 33/2015/HSST ngày 22/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B đã xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và tại bản án số 18/2017/HSPT ngày 18/01/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh B đã xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích.

Tại bản án số 18/2017/HSPT ngày 18/01/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh B đã xác định tiền án theo bản án số 33/2015/HSST ngày 22/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện B là yếu tố định tội, do thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có trị giá dưới 2.000.000 đồng, nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tăng nặng là "tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

* Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung "Phạt tiền" đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại anh Nông Thanh Nh vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại giỏ phong lan đã bị Trương Quốc Qu trộm cắp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu FANLIM, BKS 97F4 – 59xx, số máy: VTTJL1P52FMH031718, số khung: RRKWCHHUM5X031718. Quá trình điều tra xác định chiếc xe là tài sản của bà Lê Thị Th cho bị cáo mượn, việc bị cáo sử dụng xe vào việc phạm tội bà Th không biết nên Cơ quan điều tra trả lại chiếc xe cho bà Th là đúng quy định.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia X1 nắp lưng điện thoại màu cam, số IMEI 1: 354625/05/268958/1, số IMEI 2: 354625/05/268959/9 thu giữ của bị cáo là tài sản của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

- Số tiền 381.000 đồng (Ba trăm tám mươi mốt nghìn đồng) thu giữ của bị cáo, trong đó có 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền bán giỏ phong lan trộm cắp mà có nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Số tiền còn lại 131.000 đồng (Một trăm ba mươi mốt nghìn đồng) là tài sản của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên trả tại cho bị cáo, tuy nhiên tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

* Đối với người phụ nữ đã mua giỏ phong lan do Qu trộm cắp của anh Nh, do Qu không biết họ tên, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không đủ cơ sở để xác minh, làm rõ.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Trương Quốc Qu phạm tội "Trộm cắp tài sản".

* Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trương Quốc Qu 11 (mười một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giam 04/3/2019.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia X1 nắp lưng điện thoại màu cam, số IMEI 1: 354625/05/268958/1, số IMEI 2: 354625/05/268959/9.

- Số tiền 381.000 đồng (Ba trăm tám mươi mốt nghìn đồng): Tịch thu sung quỹ Nhà nước 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền còn lại 131.000 đồng (Một trăm ba mươi mốt nghìn đồng) tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận giữa Công an thành phố Bắc Kạn và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trương Quốc Qu phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND thành phố;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- Sở tư pháp;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Trần Thị Dương